

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo Kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 56
8. Phụ lục I – Tổng hợp ảnh hưởng của chế độ kế toán và điều chỉnh các sai sót	57 - 64

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty và các công ty con.

### Khái quát về Tổng Công ty

Tổng công ty Sông Đà là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị của Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trực thuộc Bộ Xây dựng; Quyết định số 225/QĐ-BXD ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Bộ Xây dựng đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2435/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu, giúp việc; các Ban quản lý, điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty Sông Đà. Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Sông Đà.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 937/QĐ-BXD thành lập Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà trước đây. Tổng công ty Sông Đà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con hình thành trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu giúp việc; các Văn phòng đại diện, Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc khác và đơn vị sự nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà (thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Tổng công ty Sông Đà được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 5 năm 2014.

### Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3 854 1164
- Fax : (04) 3 854 1161
- Email : [banbientap@songda.vn](mailto:banbientap@songda.vn)
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0100105870

*Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty* (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100105870 ngày 07 tháng 5 năm 2014):

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi tổ hợp các công trình ngầm; Thi công và xử lý nền móng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi (trừ thiết kế phương tiện vận tải);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu, thuyền;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Phá dỡ. Chi tiết: Dịch vụ nổ mìn (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

### Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Khánh Toàn	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Doãn Hành	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Lê Văn Tồn	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012 (*)
Ông Hồ Văn Dũng	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Kim Tới	Thành viên	Ngày 10 tháng 11 năm 2014

(\*) Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà thống nhất và báo cáo Bộ Xây dựng chấp thuận ông Lê Văn Tồn thôi là Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà để chuyển công tác theo Nghị quyết số 165/TCT-HĐTV ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Vũ Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2015
Ông Kim Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Văn Thạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2015

### Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Việt	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2015

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Văn Dũng - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất./.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Văn Tuấn**





Số:421/2017/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng công ty”), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2017, từ trang 08 đến trang 64, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Vấn đề khác**

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 319/2016/BCTC-KTTV ngày 31 tháng 3 năm 2016 do Tổng công ty lập lại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 (xem thuyết minh số 1.5 trang 15).

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

**Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2017



# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.835.049.754.774</b>	<b>12.825.199.930.103</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.443.770.949.657</b>	<b>1.662.382.648.767</b>
1. Tiền	111		1.024.273.006.310	1.455.493.093.970
2. Các khoản tương đương tiền	112		419.497.943.347	206.889.554.797
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>65.919.082.601</b>	<b>176.315.845.044</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	15.857.052.454	16.032.078.848
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(7.770.947.954)	(6.711.567.137)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	57.832.978.101	166.995.333.333
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.106.070.106.407</b>	<b>4.986.331.205.773</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	3.991.974.702.929	3.262.066.224.094
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	890.183.577.654	1.055.420.038.223
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		116.908.105.189	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.069.317.192.213	105.830.418.364
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.298.354.133.928	770.084.881.835
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(261.093.442.096)	(207.070.356.743)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		425.836.590	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>3.951.266.548.346</b>	<b>5.163.511.943.211</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.965.835.642.547	5.171.719.613.675
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.569.094.201)	(8.207.670.464)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>268.023.067.763</b>	<b>836.658.287.308</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	70.656.556.319	624.921.115.604
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		192.675.926.722	206.138.363.866
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	4.690.584.722	5.598.807.838
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.290.468.143.899</b>	<b>32.887.476.426.916</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.139.244.150.295</b>	<b>712.655.232.694</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	832.614.473.902	498.636.654.786
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	2.057.795.603.996	100.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	253.040.452.159	213.918.577.908
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(4.206.379.762)	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.066.688.098.539</b>	<b>24.525.467.500.080</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.020.877.973.489	24.474.557.329.049
<i>Nguyên giá</i>	222		19.165.978.679.366	32.682.595.448.205
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.145.100.705.877)	(8.208.038.119.156)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	6.381.538.848	8.162.405.508
<i>Nguyên giá</i>	225		10.685.299.943	10.685.299.943
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.303.761.095)	(2.522.894.435)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	39.428.586.202	42.747.765.523
<i>Nguyên giá</i>	228		47.103.020.579	54.126.202.567
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.674.434.377)	(11.378.437.044)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	<b>2.523.448.917</b>	<b>3.918.489.257</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		4.588.088.943	6.152.280.179
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2.064.640.026)	(2.233.790.922)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.508.663.390.998</b>	<b>4.452.484.227.678</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.508.663.390.998	4.452.484.227.678
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.229.011.680.005</b>	<b>2.224.049.103.146</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.825.307.996.738	1.734.530.825.427
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	566.210.787.722	655.153.030.158
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(162.872.104.455)	(165.999.752.439)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	365.000.000	365.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>344.337.375.145</b>	<b>968.901.874.061</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	314.881.772.177	954.181.546.480
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.968.190.670	6.944.904.344
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		18.185.589.195	
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	6.301.823.103	7.775.423.237
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>35.125.517.898.673</b>	<b>45.712.676.357.019</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.263.304.589.460</b>	<b>38.245.013.145.081</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.777.567.076.711</b>	<b>16.669.015.082.761</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	2.955.993.750.770	2.422.088.011.290
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.658.035.357.638	1.775.611.575.865
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	322.241.099.042	408.578.039.483
4. Phải trả người lao động	314		393.983.459.910	402.081.709.449
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.177.443.577.312	1.700.185.002.353
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			108.455.084.030
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.752.740.678	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	404.613.687.305	911.574.711.574
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	7.807.465.065.427	8.886.376.907.106
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		55.038.338.629	54.064.041.611
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.485.737.512.749</b>	<b>21.575.998.062.320</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	309.224.753.603	249.107.396.640
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		46.595.569.720	127.170.198.565
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	311.792.209.663	247.082.469.164
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	11.809.174.380.974	20.942.832.547.403
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.907.098.977	3.125.635.035
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.373.087.493	5.889.778.194
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319	790.037.319

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.862.213.309.213</b>	<b>7.467.663.211.938</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>7.862.178.713.616</b>	<b>7.467.605.136.098</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.917.731.535.152	2.563.494.435.152
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.917.731.535.152	2.563.494.435.152
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		121.679.217.013	124.822.149.322
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		38.696.604.936	21.971.554.385
5. Cổ phiếu quỹ	415		(316.235)	(1.174.093)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(10.557.065.036)	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			234.277.574.738
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.245.668.591.715	1.188.930.313.458
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		76.161.868.993	76.161.868.993
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		448.572.947	6.798.115.744
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.375.659.673.083	(384.445.037.897)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		799.725.712.518	(384.445.037.897)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		575.933.960.565	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		5.760.351.578	5.760.351.578
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.090.929.679.470	3.629.834.984.718
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.595.597</b>	<b>58.075.840</b>
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.775.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			23.300.243
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>35.125.517.898.673</b>	<b>45.712.676.357.019</b>

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Phạm Văn Viết

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Văn Tuấn**



# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.170.847.793.679	16.474.598.812.445
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		138.491.654.644	177.785.179.578
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	17.032.356.139.035	16.296.813.632.867
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.526.560.804.701	13.123.195.544.252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.505.795.334.334	3.173.618.088.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	394.550.216.032	773.852.717.129
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.573.946.450.550	2.462.386.551.874
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.411.936.261.390	2.090.143.686.998
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.9	192.839.399.954	79.685.207.776
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	67.379.583.176	225.795.411.963
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	910.630.919.320	979.933.982.340
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		541.227.997.274	359.040.067.343
12. Thu nhập khác	31	VI.7	75.177.775.885	76.316.228.918
13. Chi phí khác	32	VI.8	45.273.221.766	177.417.649.881
14. Lợi nhuận khác	40		29.904.554.119	(101.101.420.963)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		571.132.551.393	257.938.646.380
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	112.011.578.245	128.278.096.632
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		6.883.812.650	(2.173.185.156)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>452.237.160.498</u>	<u>131.833.734.903</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>575.933.960.565</u>	<u>211.657.924.827</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(123.696.800.067)</u>	<u>(79.824.189.924)</u>

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Phạm Văn Việt



K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn



# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	571.132.551.393	257.938.646.380		
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	959.804.568.931	1.497.191.547.667		
- Các khoản dự phòng	03	68.169.382.692	94.788.934.550		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	102.279.796.138	(221.890.545.030)		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(528.481.274.825)	(475.549.509.854)		
- Chi phí lãi vay	06	1.411.936.261.390	2.090.389.263.258		
- Các khoản điều chỉnh khác	07				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.584.841.285.719	3.242.868.336.971		
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.046.542.159.861)	219.017.739.401		
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	725.262.445.918	164.696.820.482		
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	485.080.498.768	(411.099.333.456)		
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	32.680.831.227	349.101.151.573		
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	13.363.800.484			
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.430.553.183.488)	(2.301.226.835.705)		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(144.071.354.617)	(142.244.997.889)		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.363.037.443	16.747.861.618		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(91.227.935.240)	(72.799.276.057)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.136.197.266.353</b>	<b>1.065.061.466.938</b>		
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(647.595.042.838)	(2.922.974.049.873)		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	37.218.184.721	14.298.278.289		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(409.751.313.264)	(181.007.460.511)		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	503.745.713.109	139.607.202.444		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34.524.000.000)	(334.327.235.009)		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	264.425.183.489	271.685.447.235		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	141.408.230.108	284.380.278.723		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(145.073.044.675)</b>	<b>(2.728.337.538.702)</b>		

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31				
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32				
3. Tiền thu từ đi vay	33		13.619.037.101.801		14.861.922.875.188
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.424.734.528.578)		(13.614.368.518.466)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.422.776.236)		(90.801.375.070)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(402.529.099.485)		(248.224.027.195)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1.209.649.302.498)</i>		<i>908.528.954.457</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(218.525.080.820)</i>		<i>(754.747.117.307)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.662.382.648.767		2.417.182.668.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		(86.618.290)		(52.902.370)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>1.443.770.949.657</u>		<u>1.662.382.648.767</u>

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Phạm Văn Việt



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Tuấn**



# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; Thi công và xử lý nền móng công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm; Chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; Đóng tàu và cầu kiện nổi (trừ thiết kế phương tiện vận tải); Sửa chữa tàu thuyền;
- Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Cho thuê văn phòng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ;
- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng; Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; Xuất khẩu lao động; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); Dịch vụ nổ mìn./.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 02 năm 2016, Tổng công ty đã hoàn tất việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo thông báo của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long tại công văn số 53/CT/HDQT.

Thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng theo Quyết định số 66/QĐ-BXD ngày 20 tháng 1 năm 2016: “Điều 1. Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo hình thức ghi tăng – giảm vốn số liệu chuyển giao tại thời điểm 31/12/2015, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần: 64.576.290 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 645.762.900.000 đồng.”

Tổng công ty đã thực hiện hạch toán giảm vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và hạch toán giảm các khoản vay của các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính mà Tổng công ty Sông Đà đã đứng ra vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Công văn số 4242/BTC/CĐKT của Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán - Bộ Tài chính, Tổng công ty vẫn có nghĩa vụ trả nợ về mặt pháp lý đối với khoản vay nêu trên. Do đó, Tổng công ty lập lại Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 trình bày các khoản vay của các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính mà Tổng công ty Sông Đà đã đứng ra vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vào Bảng cân đối kế toán tổng hợp và Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2015.

#### 6. Cấu trúc Tổng công ty

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tổng công ty

*Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát*

Tong năm Tổng công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại các công ty sau: Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly.

##### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	Xây lắp	51,00%	52,67%	51,00%	40,85%
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,24%	65,48%	65,24%	65,48%
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*)	Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần thép Việt - Ý	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thép	53,04%	53,04%	53,04%	53,04%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Kinh doanh thủy điện	58,58%	58,58%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Kinh doanh thủy điện	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam Tầng 5 tòa nhà CT1-	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Vimeco, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội Tầng 15 tháp A, Tòa nhà HH4 - Mỹ Đình Sông	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội Tầng 15, khu B, tòa nhà	Xây lắp	65,85%	61,17%	58,00%	58,00%
Công ty Cổ phần Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà (*)	Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh Tòa nhà Viettel, số 16,	Kinh doanh thủy điện	59,68%	60,92%	60,92%	60,92%
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, Việt Nam	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh bất động sản và xây lắp	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

(\*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong các Công ty trên ít hơn 50% nhưng Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các Công ty bị Tổng Công ty kiểm soát và Báo cáo tài chính của các Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	Km 10 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	100,00%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đaklô	Thôn Măng đen, Xã Đăk Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	Kinh doanh thủy điện	38,09%	37,97%	98,97%	98,65%
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5	Xã Thềng Phàng, Huyện Xin Mần, Hà Giang	Kinh doanh thủy điện	56,46%	56,46%	88%	88%
Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	Đường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xây lắp	65,00%	65,00%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	22,65%	22,65%	75,90%	75,90%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang	Kinh doanh thủy điện	29,83%	29,83%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Xã Ia monông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Xây lắp	62,27%	62,27%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện Ia Hiao	18 Hai Bà Trưng, thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	61,89%	61,89%	99,40%	99,40%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	Bản Mường Tùng, Xã Mường Tùng, Huyện Mường Chà, Tỉnh Điện Biên	Kinh doanh thủy điện	34,92%	34,91%	56,09%	56,06%
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Làng Kon Sơ Lãng, Xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	40,76%	40,76%	81,25%	73,23%
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lại Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Xây lắp	37,48%	37,48%	73,48%	73,48%
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xí Mần, tỉnh Hà Giang	Xây lắp	41,88%	41,54%	90,74%	60,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Xây lắp	31,96%	31,85%	69,25%	56,00%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, tầng 10, CT4, khu đô thị mới Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	Tư vấn	46,15%	46,15%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40 - TT6 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	100%	100%

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 26, block A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	Thôn Điền Lợi, Xã Bình Điền, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh thủy điện	20,60%	20,60%	20,60%	20,60%
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (*)	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tài chính	32,13%	33,30%	33,85%	36,11%
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, Xã Quất Lưu, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	37,30%	36,30%	37,30%	36,30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Xây lắp	30%	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	26,86%	26,86%	26,86%	26,86%
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà HH4, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thủy điện	50,32%	55,39%	36,59%	36,59%
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Vị trí 7, dãy biệt thự 1, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	29,10%	29,10%	29,10%	29,10%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	Phòng 603, Tầng 6-CT4 khu đô thị mới Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	22,00%	22,00%	22,00%	22,00%

(\*) Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà chưa được kiểm toán.



## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

**6d. Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie chưa được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ mà đang ghi nhận theo giá gốc do chưa thu thập được báo cáo tài chính.

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Như trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tổng công ty và Tổng công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tổng công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tổng công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phân chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tổng công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tổng công ty ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng công ty ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TTBTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

## 12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty và các công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... hoặc Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tổng công ty và các công ty con trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn giao đất hoặc thuê đất. Trường hợp quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 17. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tổng công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu của Tổng công ty.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

##### *Chênh lệch đánh giá lại tài sản*

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tổng công ty. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là tài sản cố định, bất động sản đầu tư, vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang.

Giá trị tài sản được xác định lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Quyết định số 267/QĐ-BXD ngày 06/3/2015 của Bộ Xây dựng.

##### *Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản*

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

#### 19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng công ty đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng công ty đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### *Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền*

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tổng công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tổng công ty đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

## 21. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### 22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

#### 23. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 24. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	47.561.021.260	81.184.974.882
Tiền gửi ngân hàng	974.496.063.567	1.374.308.119.088
Tiền đang chuyển	2.215.921.483	
Các khoản tương đương tiền (các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	419.497.943.347	206.889.554.797
<b>Cộng</b>	<b>1.443.770.949.657</b>	<b>1.662.382.648.767</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	1.188.774.090	(1.010.547.090)		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu khí Sông Đà	1.323.404.364	(747.544.164)	1.432.289.991	
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	3.000.000.000	(132.300.000)	3.000.000.000	(1.260.080)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	5.857.200.000	(5.857.200.000)	5.857.200.000	(5.857.200.000)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	300.000	(136.700)	300.000	(110.000)
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	100.000.000	(23.000.000)	100.000.000	(15.000.000)
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	400.000	(220.000)	400.000	(267.200)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	815.000.000		815.000.000	(489.815.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 906			404.914.857	(347.914.857)
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Sông Đà	1.974.000		1.974.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	3.570.000.000		3.570.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà			850.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>15.857.052.454</b>	<b>(7.770.947.954)</b>	<b>16.032.078.848</b>	<b>(6.711.567.137)</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>57.832.978.101</b>	<b>57.832.978.101</b>	<b>166.995.333.333</b>	<b>166.995.333.333</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	57.832.978.101	57.832.978.101	166.995.333.333	166.995.333.333
<b>Dài hạn</b>	<b>365.000.000</b>	<b>365.000.000</b>	<b>365.000.000</b>	<b>365.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.197.978.101</b>	<b>58.197.978.101</b>	<b>167.360.333.333</b>	<b>167.360.333.333</b>

#### 2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên kết, liên doanh	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucerin	3.529.809.537	4.194.768.938
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	24.843.424.949	19.797.247.132
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	226.136.320.056	280.199.014.283
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	128.381.186.275	121.510.909.015
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	748.241.867.297	606.888.708.135
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	130.659.067.120	130.417.013.294
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	89.679.749.076	68.259.833.800
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	1.355.644.217.334	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	12.618.828.629	11.011.724.092
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	5.573.526.465	5.573.526.465
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại BMM		69.957.550.618
Công ty Cổ phần thủy điện Ryninh II Đắk Psi		1.841.309.273
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ		66.778.352.320
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà		972.487.929
Công ty Cổ phần Tự động hóa và CNTT Sông Đà		3.513.493.624
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển		5.750.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco Fansipan		16.089.707.666
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành		5.413.815.548
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sông Đà		55.207.080.530
Công ty Cổ phần Sông Đà 25		2.232.299.654
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà		7.243.454.420
Công ty Cổ phần Sông Đà An Nhân		46.737.202.310
Công ty Cổ phần Sông Đà 7		104.941.326.381
<b>Cộng</b>	<b>2.825.307.996.738</b>	<b>1.734.530.825.427</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2015	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2015
Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2	44.700.000.000	83.681.186.275	128.381.186.275
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	90.000.000.000	40.659.067.120	130.659.067.120
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	31.929.000.000	(7.085.575.051)	24.843.424.949
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà -UCRIN	1.782.968.647	1.746.840.890	3.529.809.537
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	383.861.512.952	364.380.354.345	748.241.867.297
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	28.212.000.000	61.467.749.076	89.679.749.076
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	232.180.000.000	(6.043.679.944)	226.136.320.056
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	1.097.658.050.909	257.986.166.425	1.355.644.217.334
<b>Cộng</b>	<b>1.910.323.532.508</b>	<b>796.792.109.136</b>	<b>2.707.115.641.644</b>

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp qua các Công ty con vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2015	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2015
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	5.856.360.000	(5.856.360.000)	
Công ty CP Sông Đà 10.9	4.560.000.000	8.058.828.629	12.618.828.629
Công ty CP Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	7.080.000.000	(1.506.473.535)	5.573.526.465
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.496.360.000</b>	<b>695.995.094</b>	<b>18.192.355.094</b>

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie chưa được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ mà đang ghi nhận theo giá gốc do chưa thu thập được Báo cáo tài chính.

#### *Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết*

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông	500.000.000	(146.724.186)	500.000.000	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	250.000.000	(139.800.000)	250.000.000	
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	474.000.000	(96.110.353)		
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	15.000.000.000	(359.829.045)	15.000.000.000	(359.829.045)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	74.565.000.000	(67.635.000.000)	74.565.000.000	(32.232.376.553)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	87.400.000.000	(65.410.881.045)	87.400.000.000	(62.989.431.449)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex	22.002.500.000	(708.324.854)	22.002.500.000	(4.948.056.252)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	18.628.000.000	(13.225.880.000)	18.628.000.000	(10.059.120.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	5.784.940.000	(5.417.440.000)	5.784.940.000	(5.049.940.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	10.268.181.818	(1.732.114.972)	10.268.181.818	(495.624.979)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung	11.300.000.000	(8.000.000.000)	11.800.000.000	(8.050.806.292)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Thiên Trường			6.395.665.000	(4.206.379.761)
Công ty Cổ phần Sông Đà 207			13.500.000.000	(11.070.000.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			410.885.000	(116.054.500)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản và Xây dựng An Đông			500.000.000	(470.428.929)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà			49.956.667.408	(25.686.288.379)
Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess			457.500.000	
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không			1.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7			11.150.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Trung	32.814.400.000		32.814.400.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt	40.230.600.000		33.525.500.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	33.541.200.000		33.541.200.000	

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000		538.200.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	13.020.000.000		13.020.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000		1.536.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức	7.820.000.000		7.820.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000		300.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc	6.600.000.000		6.600.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO	4.573.200.000		4.573.200.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000		25.724.000.000	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dịch vụ Sông Đà	1.000.000.000		1.000.000.000	
Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000		585.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Psi	2.841.309.273		1.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	100.000.000		2.200.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000		1.500.000.003	
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7	4.985.000.000		4.985.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long	16.000.000.000		21.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk sor 3	500.000.000		500.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	10.445.280.000		10.445.280.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà An Nhân	37.982.456.611			
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	11.464.000.000			
Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess	457.500.000			
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	50.000.000			
Các đối tượng khác	6.200.020.020		6.200.020.020	(265.416.300)
<b>Cộng</b>	<b>511.980.787.722</b>	<b>(162.872.104.455)</b>	<b>543.977.139.249</b>	<b>(165.999.752.439)</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Quỹ Đầu tư Việt Nam	51.120.000.000		102.240.000.000	
Tổng công ty Hà Thành	110.000.000		110.000.000	
Quỹ Hỗ trợ Đầu tư Quốc Gia			770.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>51.230.000.000</b>		<b>103.120.000.000</b>	
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>				
Liên doanh Sông Đà 2 - Trung Việt - ADEL			1.045.890.909	
Liên doanh Sông Đà 2 - Trung Việt - Hồng Quang			1.010.000.000	
Đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000		6.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>		<b>8.055.890.909</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>566.210.787.722</b>	<b>(162.872.104.455)</b>	<b>655.153.030.158</b>	<b>(165.999.752.439)</b>

#### Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>872.632.186.381</b>	<b>55.632.886.980</b>
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	587.389.178.113	
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	159.977.111.232	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	8.307.096.614	21.628.088.701
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	407.426.143	407.426.143
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	24.361.249.276	11.485.082.980
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	39.458.232.135	6.204.089.801
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	837.849.746	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	51.894.043.122	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà		14.251.047.286
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà		615.824.160
Công ty Cổ phần Sông Đà 27		1.041.327.909
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>3.119.342.516.548</b>	<b>3.206.433.337.114</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.991.974.702.929</b>	<b>3.262.066.224.094</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>213.870.380.837</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	777.358.921	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.227.581	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	33.395.839.356	
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	178.841.954.979	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>618.744.093.065</i>	<i>498.636.654.786</i>
Cộng	<u>832.614.473.902</u>	<u>498.636.654.786</u>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>121.562.891.085</i>	<i>28.243.593.959</i>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin		10.068.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	121.542.891.085	24.455.164.382
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	20.000.000	3.778.361.577
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>768.620.686.569</i>	<i>1.027.176.444.264</i>
Cộng	<u>890.183.577.654</u>	<u>1.055.420.038.223</u>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

##### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>540.550.459.093</i>	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	540.550.459.093	
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>2.528.766.733.120</i>	<i>105.830.418.364</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay vốn lưu động	1.026.208.346.248	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	1.402.535.494.352	
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	25.931.818.319	25.931.818.319
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Doanh nghiệp VNS	16.800.000.000	17.000.000.000
Đặng Đình Thắng	7.900.000.000	7.900.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	25.869.595.328	23.690.169.428
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	6.021.478.873	6.021.478.873
Tổng công ty Cơ khí xây dựng		1.801.721.133
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển		8.085.230.611
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco - Fansipan		400.000.000
Viện kinh tế xây dựng	100.000.000	100.000.000
Dự phòng khoản cho vay Viện kinh tế xây dựng	(100.000.000)	(100.000.000)
Cộng	<u>3.069.317.192.213</u>	<u>105.830.418.364</u>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.057.695.603.996	
- Khoản vay Ngân hàng NIB	183.185.850.916	
- Khoản vay Ngân hàng Natixis	876.561.057.799	
- Khoản vay Ngân hàng ADB	643.183.312.736	
- Khoản vay Bộ tài chính	354.765.382.545	
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.057.795.603.996</u></b>	<b><u>100.000.000</u></b>

#### 6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>390.414.650.657</i>	<i>32.568.532.990</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	5.000.000.000	30.401.435.409
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	467.517.986	
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	2.235.000.000	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	367.255.244.552	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	10.306.054.119	
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	5.150.834.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà		26.242.254
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà		9.239.421
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		2.131.615.906
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>907.939.483.271</i>	<i>737.516.348.845</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.298.354.133.928</u></b>	<b><u>770.084.881.835</u></b>

##### 6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>253.040.452.159</i>	<i>213.918.577.908</i>
Ký quỹ ký cược dài hạn	173.635.527.676	195.308.631.250
Phải thu dài hạn khác	79.404.924.483	18.609.946.658
<b>Cộng</b>	<b><u>253.040.452.159</u></b>	<b><u>213.918.577.908</u></b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	15.857.325.046		167.445.642.291	
Nguyên liệu, vật liệu	656.353.013.145	(8.095.514.818)	1.156.891.604.921	
Công cụ, dụng cụ	12.639.149.263		78.940.555.752	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.084.242.232.268	(2.656.646.799)	3.343.452.800.965	
Thành phẩm	190.050.217.466	(2.835.248.785)	409.661.450.316	(8.207.670.464)
Hàng hóa	6.693.705.359	(981.683.799)	15.327.559.430	
<b>Cộng</b>	<b>3.965.835.642.547</b>	<b>(14.569.094.201)</b>	<b>5.171.719.613.675</b>	<b>(8.207.670.464)</b>

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	8.218.617.097	22.431.608.638
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	47.364.302.262	47.462.557.007
Chi phí Quản lý dự án		21.437.267.679
Chi phí lãi vay trả trước		505.170.484.388
Chi phí sửa chữa	168.588.412	12.735.581.929
Chi phí bảo hiểm	432.438.958	1.795.499.153
Chi phí thuê nhà	324.000.000	403.700.000
Chi phí khác	14.148.609.590	13.484.416.810
<b>Cộng</b>	<b>70.656.556.319</b>	<b>624.921.115.604</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trước hoạt động		28.953.202.220
Phí quản lý phát hành trái phiếu		1.985.632.182
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại		137.756.747.949
Chi phí ban điều hành	6.167.248.634	10.624.741.137
Công cụ dụng cụ	99.904.732.894	113.481.417.686
Lợi thế thương mại, thương hiệu Sông Đà	92.587.852.839	117.462.261.658
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	55.123.777.846	43.848.361.643
Sửa chữa lớn tài sản cố định	18.656.694.017	13.615.982.713
Thuê đất, thuê văn phòng, nhà xưởng	12.548.972.549	59.978.361.721
Chi phí thuê tài sản	1.213.267.310	321.120.056.920
Chi phí trồng rừng thay thế	4.083.961.355	67.452.510.730
Chi phí khác	24.595.264.733	37.902.269.921
<b>Cộng</b>	<b>314.881.772.177</b>	<b>954.181.546.480</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm (đã điều chỉnh theo biên bản của KTNN)	19.797.092.086.387	10.794.834.498.025	1.498.114.522.686	23.941.351.853	568.612.989.254	32.682.595.448.205
Tăng trong năm	177.919.571.275	215.380.050.362	37.107.247.079	2.270.635.544	430.789.688	433.108.293.948
Mua sắm mới	2.082.446.364	96.243.953.816	34.214.067.078	2.042.073.908	430.789.688	135.013.330.854
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	172.878.804.136	119.136.096.546	2.893.180.001	228.561.636		295.136.642.319
Tăng do đánh giá lại khi cổ phần hóa công ty con	2.958.320.775					2.958.320.775
Giảm trong năm	10.052.150.976.529	3.665.087.966.947	226.716.901.664	5.041.507.893	727.709.754	13.949.725.062.787
Thanh lý, nhượng bán	222.655.195	76.472.487.499	147.998.674.739	395.656.717	266.431.754	225.355.905.904
Giảm do thoái vốn các công ty con	10.051.060.722.334	3.588.462.974.298	76.268.235.541	4.645.851.176	461.278.000	13.720.899.061.349
Giảm khác	867.599.000	152.505.150	2.449.991.384			3.470.095.534
Phân loại lại	2.944.190.436	4.932.690.964	6.539.350.763	18.522.488	1.319.008.149	
Số cuối năm	9.925.804.871.569	7.350.059.272.404	1.301.965.517.339	21.151.957.016	566.997.061.039	19.165.978.679.366
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm (đã điều chỉnh theo biên bản của KTNN)	2.474.206.972.710	4.671.446.434.025	1.036.699.494.941	16.134.656.489	9.550.560.991	8.208.038.119.156
Tăng trong năm	261.029.091.336	587.177.569.776	82.252.265.582	2.506.989.569	23.972.714.086	956.769.773.820
Khấu hao trong năm	261.029.091.336	587.177.569.776	82.252.265.582	2.506.989.569	23.972.714.086	956.769.773.820
Giảm trong năm	796.832.248.217	1.032.496.053.064	185.547.258.731	4.291.872.877	539.754.210	2.019.707.187.099
Thanh lý, nhượng bán	213.705.636	73.379.847.696	132.932.719.941	395.289.877	266.431.754	207.187.994.904
Giảm do thoái vốn Công ty con	796.512.669.940	958.963.700.218	49.884.085.494	3.896.583.000	273.322.456	1.809.530.361.108
Giảm khác	105.872.641	152.505.150	2.730.453.296			2.988.831.088
Phân loại lại	302.490.724	3.022.767.664	2.845.840.195	1.039.048.147	1.333.467.931	168.856.529
Số cuối năm	1.938.706.306.553	4.223.105.183.073	936.250.341.987	15.388.821.328	31.650.052.936	7.145.100.705.877
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.322.885.113.677	6.123.388.064.000	461.415.027.745	7.806.695.364	559.062.428.263	24.474.557.329.049
Số cuối năm	7.987.098.565.016	3.126.954.089.331	365.715.175.351	5.763.135.688	535.347.008.103	12.020.877.973.489

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	10.685.299.943			10.685.299.943
Giá trị hao mòn	2.522.894.435	1.780.866.660		4.303.761.095
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>8.162.405.508</b>	<b>1.780.866.660</b>		<b>6.381.538.848</b>

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Chi phí quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá	50.219.328.120	500.000.000	3.210.451.447	196.423.000	54.126.202.567
Số đầu năm			718.200.000	153.326.317	871.526.317
Tăng trong năm			718.200.000	153.326.317	871.526.317
Tăng do mua sắm mới	7.075.781.305		727.267.000	91.660.000	7.894.708.305
Giảm trong năm	3.110.261.300		727.267.000	91.660.000	3.929.188.300
Giảm do không còn Hợp nhất báo cáo	3.965.520.005				3.965.520.005
Giảm khác					
<b>Số cuối năm</b>	<b>43.143.546.815</b>	<b>500.000.000</b>	<b>3.201.384.447</b>	<b>258.089.317</b>	<b>47.103.020.579</b>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.313.501.483	500.000.000	2.368.512.561	196.423.000	11.378.437.044
Tăng trong năm	872.985.380		442.471.178	107.328.422	1.422.784.980
Khấu hao trong năm	868.766.898		277.833.131	107.328.422	1.253.928.451
Phân loại lại	4.218.482		164.638.047		168.856.529
<b>Giảm trong năm</b>	<b>4.493.336.837</b>		<b>541.790.810</b>	<b>91.660.000</b>	<b>5.126.787.647</b>
Giảm do không còn hợp nhất báo cáo	527.816.832		541.790.810	91.660.000	1.161.267.642
Giảm khác	3.965.520.005				3.965.520.005
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.693.150.026</b>	<b>500.000.000</b>	<b>2.269.192.929</b>	<b>212.091.422</b>	<b>7.674.434.377</b>
Giá trị còn lại	41.905.826.637		841.938.886		42.747.765.523
Số đầu năm	38.450.396.789		932.191.518	45.997.895	39.428.586.202
Số cuối năm					



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 12. Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	6.152.280.179		1.564.191.236	4.588.088.943
Giá trị hao mòn	2.233.790.922		169.150.896	2.064.640.026
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.918.489.257</b>		<b>1.395.040.340</b>	<b>2.523.448.917</b>

Đây là bất động sản đầu tư tại Công ty con (Công ty Cổ phần Sông Đà 5). Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Sông Đà 5 hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>732.471.631</b>	<b>1.268.820.901</b>
<b>XDCB dở dang</b>	<b>1.503.452.520.115</b>	<b>4.436.430.285.879</b>
Dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thị xã Hà Tĩnh	197.708.147.846	6.054.485.044
Dự án Thủy điện Đắk Lô	651.579.356.543	431.606.081.534
Công trình Thủy điện Bắc Giang	238.072.186.355	222.734.966.353
Dự án Thủy điện Sê Kông 3	48.849.426.755	48.785.570.755
Dự án Thủy điện Xekaman 4		11.682.522.463
Dự án Thủy điện Xekaman 1		3.254.518.161.760
Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến	65.696.853.254	413.345.799
Công trình Thủy điện Nậm Ly 1	156.099.112.223	120.401.425.541
Dự án Khai thác mỏ Myanmar		83.084.629.057
Dự án quốc lộ 6	9.251.267.022	8.209.979.476
Cần trục tháp Công trình Bảo Lâm 3	16.101.975.633	
Cần trục tháp Công trình Thủy điện Bắc Mê	9.527.998.914	
Cần trục tháp tại Nậm Nghiệp	48.601.438.044	
Dự án Thủy điện Hà Tây	677.941.845	186.326.981.796
Công trình tuyến đường vào nhà máy chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần thép Việt Ý	10.591.428.201	10.539.278.201
Công trình nhà ở cán bộ công nhân viên chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần thép Việt Ý	9.330.892.427	9.259.918.427
Công trình Thủy điện Hương Sơn	10.715.516.656	13.146.865.773
Các công trình khác	30.648.978.397	29.666.073.900
<b>Sửa chữa lớn TSCĐ</b>	<b>4.478.399.252</b>	<b>14.785.120.898</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.508.663.390.998</b>	<b>4.452.484.227.678</b>

### 14. Lợi thế thương mại

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số kết chuyển vào KQKD	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	1.652.300.682		550.766.894	1.101.533.788
Lợi thế thương mại tại các Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính	6.123.122.555		922.833.240	5.200.289.315
<b>Cộng</b>	<b>7.775.423.237</b>		<b>1.473.600.134</b>	<b>6.301.823.103</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 15. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

##### 15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>300.946.441.445</i>	<i>112.906.103.486</i>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	2.223.665.399	11.698.411.279
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	8.897.194	34.724.944
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà	4.097.331.348	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	3.661.709.326	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	180.453.148.218	87.718.774.532
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	642.389.957	
Công ty Cổ phần Sông Đà 27		9.973.269.461
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	42.788.700.003	3.480.923.270
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>2.655.047.309.325</i>	<i>2.309.181.907.804</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.955.993.750.770</u></b>	<b><u>2.422.088.011.290</u></b>

##### 15b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>24.725.831.642</i>	<i>16.425.697.589</i>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin		1.353.037.652
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	9.870.991.672	15.072.659.937
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	14.854.839.970	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>284.498.921.961</i>	<i>232.681.699.051</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>309.224.753.603</u></b>	<b><u>249.107.396.640</u></b>

Tổng công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>396.252.857.528</i>	<i>4.153.853.950</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	45.376.000	45.376.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	6.559.317.825	2.711.741.516
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	22.158.241.655	1.396.736.434
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	120.558.000.000	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	32.139.422.007	
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	214.792.500.041	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.261.782.500.110</i>	<i>1.771.457.721.915</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.658.035.357.638</u></b>	<b><u>1.775.611.575.865</u></b>



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số phát thực nộp	Thoái vốn tại công ty con	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	195.178.034.273	276.889.161	525.708.623.686	515.265.179.034	4.060.102.100	201.284.487.664			
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			133.620.264.915	133.620.264.915					
Thuế xuất, nhập khẩu			25.337.839.959	25.263.003.187		74.836.772			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.134.159.042	663.133.039	110.288.169.382	150.316.651.091	2.821.627.106	59.188.439.639	2.204.089.309		
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	17.236.934.696	11.017.365	20.133.787.113	19.282.466.518	6.273.362.959	11.814.892.332	11.017.365		
Thuế thu nhập cá nhân	116.820.552		1.877.869.116	1.994.689.668					
Thuế tài nguyên	61.757.664.137	2.751.787.417	120.811.332.861	155.303.328.806	674.744.973	24.329.929.094	490.793.292		
Thuế nhà đất	477.926.323		2.409.788.760	1.581.041.012	170.600.900	1.136.073.171			
Tiền thuế đất	5.092.356.534		9.482.939.237	9.828.465.232	68.622.573	4.678.207.966			
Các loại thuế khác	4.690.259.277		11.225.915.331	9.261.433.587	689.800.259	5.964.940.762			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	27.316.517.170	1.895.980.856	98.787.178.278	82.355.054.602	30.068.053.104	13.769.291.642	1.984.684.756		
<b>Cộng</b>	<b>408.578.039.483</b>	<b>5.598.807.838</b>	<b>1.059.683.708.638</b>	<b>1.104.071.577.652</b>	<b>44.826.913.974</b>	<b>322.241.099.042</b>	<b>4.690.584.722</b>		

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.177.443.577.312</b>	<b>1.700.185.002.353</b>
Chi phí lãi tiền vay, lãi trái phiếu	649.015.655.351	1.168.378.824.766
Chi phí sửa chữa tài sản cố định		7.619.579.288
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho		1.876.473.200
Chi phí các công trình	503.202.632.342	478.310.858.868
Chiết khấu bán hàng phải trả	2.865.088.950	4.309.078.440
Chi phí phải trả khác	22.360.200.669	39.690.187.791
<b>Cộng</b>	<b><u>1.177.443.577.312</u></b>	<b><u>1.700.185.002.353</u></b>

### 19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

#### 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>8.914.098.271</b>	<b>828.269.859</b>
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	4.414.098.271	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	4.500.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		828.269.859
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>395.699.589.034</b>	<b>910.746.441.715</b>
Kinh phí công đoàn	43.019.537.888	30.843.663.796
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	35.715.241.623	66.223.498.758
Phải trả về cổ phần hóa		1.050.081.424
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.469.538.415	35.849.312.813
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.275.841.323	1.119.570.500
Phải trả, phải nộp khác	298.219.429.785	775.660.314.424
<b>Cộng</b>	<b><u>404.613.687.305</u></b>	<b><u>911.574.711.574</u></b>

#### 19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>311.792.209.663</b>	<b>247.082.469.164</b>
Phải trả người ủy thác đầu tư	67.765.385.239	10.847.900.000
Nhận ký quỹ dài hạn	52.403.588.260	56.578.496.066
Phải trả dài hạn khác	191.623.236.164	179.656.073.098
<b>Cộng</b>	<b><u>311.792.209.663</u></b>	<b><u>247.082.469.164</u></b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

##### 20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>7.807.465.065.427</b>	<b>8.886.376.907.106</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.337.169.137.762	6.579.735.377.444
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	28.057.856.630	229.504.780.770
Vay dài hạn đến hạn trả xem thuyết minh số V.20b	2.440.296.371.476	2.075.584.668.892
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	1.941.699.559	1.552.080.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.807.465.065.427</u></b>	<b><u>8.886.376.907.106</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	6.579.735.377.444	229.504.780.770	2.075.584.668.892	1.552.080.000	8.886.376.907.106
Số tiền vay phát sinh trong năm	11.098.074.241.684	29.291.101.610			11.127.365.343.294
Số kết chuyển			2.243.931.379.730	1.812.395.795	2.245.743.775.525
Số tiền vay đã trả trong năm	(11.483.132.615.882)	(30.508.054.062)	(693.872.898.650)	(1.422.776.236)	(12.208.936.344.830)
Giảm do thanh lý công ty con	(857.507.865.484)	(200.229.971.688)	(1.185.346.778.496)		(2.243.084.615.668)
<b>Cuối năm</b>	<b><u>5.337.169.137.762</u></b>	<b><u>28.057.856.630</u></b>	<b><u>2.440.296.371.476</u></b>	<b><u>1.941.699.559</u></b>	<b><u>7.807.465.065.427</u></b>

##### 20b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>11.809.174.380.974</b>	<b>20.942.832.547.403</b>
Vay dài hạn ngân hàng	10.211.711.487.480	18.380.988.598.990
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	366.322.382.545	1.060.031.552.618
Thuê tài chính		1.812.395.795
Trái phiếu phát hành	1.231.140.510.949	1.500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.809.174.380.974</u></b>	<b><u>20.942.832.547.403</u></b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
<i>Trái phiếu phát hành cho các bên liên quan</i>						
<i>Trái phiếu phát hành cho các tổ chức khác</i>			1.250.000.000.000			1.500.000.000.000
Phát hành theo mệnh giá						
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 1.250.000.000.000 VND phát hành cho Công ty Cổ phần tài chính Sông Đà để bổ sung vốn kinh doanh</i>				Thả nổi	05 năm	1.250.000.000.000
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 250.000.000.000 VND phát hành cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước để bổ sung vốn kinh doanh</i>				Thả nổi	05 năm	250.000.000.000
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 850.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để tái cơ cấu các khoản nợ</i>	Thả nổi	03 năm	850.000.000.000			
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 300.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong để tái cơ cấu các khoản nợ</i>	Thả nổi	03 năm	300.000.000.000			
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 100.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để tái cơ cấu các khoản nợ</i>	Thả nổi	03 năm	100.000.000.000			
<b>Cộng</b>			<b>1.250.000.000.000</b>			<b>1.500.000.000.000</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	Thuê tài chính	Trái phiếu phát hành	Cộng
Số dư đầu năm	18.380.988.598.990	1.060.031.552.618	1.812.395.795	1.500.000.000.000	20.942.832.547.403
Số tiền vay phát sinh trong năm	867.206.041.757	375.146.656.750		1.250.000.000.000	2.492.352.698.507
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá	92.155.511.400	(52.072.758.180)			40.082.753.220
Tăng, giảm khác	1.693.722.607			(18.859.489.051)	(17.165.766.444)
Số tiền vay đã trả trong năm	(686.110.183.748)	(29.688.000.000)		(1.500.000.000.000)	(2.215.798.183.748)
Số kết chuyển	(1.308.893.776.494)	(935.037.603.236)	(1.812.395.795)		(2.245.743.775.525)
Tăng, giảm do hợp nhất	(7.135.328.427.032)	(52.057.465.407)			(7.187.385.892.439)
Số dư cuối năm	<u>10.211.711.487.480</u>	<u>366.322.382.545</u>		<u>1.231.140.510.949</u>	<u>11.809.174.380.974</u>

#### 20c. Các khoản vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại

Các khoản vay của các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính mà Tổng công ty Sông Đà đã đứng ra vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Tổng công ty chỉ có trách nhiệm pháp lý chứ không trực tiếp sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh.

Chi tiết về các khoản vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	EUR	USD	Quy đổi VND
<b>Thời hạn dưới 1 năm</b>	<b>553.638,15</b>	<b>56.275.312,36</b>	<b>1.402.535.494.352</b>
Vay Ngân hàng NIB		6.592.116,43	162.831.867.864
Vay ngân hàng Natixis		11.828.955,08	292.187.019.431
Vay ngân hàng ADB	553.638,15		12.479.003.821
Vay Bộ tài chính		37.854.240,85	935.037.603.236
<b>Thời hạn trên 1 năm</b>	<b>28.535.195,96</b>	<b>57.265.385,66</b>	<b>2.057.695.603.996</b>
Vay ngân hàng NIB		7.416.130,96	183.185.850.916
Vay ngân hàng Natixis		35.486.865,22	876.561.057.799
Vay Ngân hàng ADB	28.535.195,96		817.069.511.364
Vay Bộ tài chính		14.362.389,48	354.765.382.545
<b>Cộng</b>	<b>29.088.834,11</b>	<b>113.540.698,02</b>	<b>3.460.231.098.348</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.563.494.435.152		(645.762.900.000)	1.917.731.535.152
Thặng dư vốn cổ phần	124.899.149.322		(3.219.932.309)	121.679.217.013
Vốn khác của chủ sở hữu	21.971.554.385	16.725.050.551		38.696.604.936
Cổ phiếu quỹ	(1.174.093)	857.858		(316.235)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản			(10.557.065.036)	(10.557.065.036)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	234.277.574.738		(234.277.574.738)	
Quỹ đầu tư phát triển	1.188.930.313.458	143.068.529.579	(86.330.251.322)	1.245.668.591.715
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	76.161.868.993			76.161.868.993
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.798.115.744	640.085.210	(6.989.628.007)	448.572.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(384.445.037.897)	259.455.203.086	1.500.649.507.894	1.375.659.673.083
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	5.760.351.578			5.760.351.578
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3.629.834.984.718		(538.905.305.248)	3.090.929.679.470
<b>Cộng</b>	<b>7.467.682.136.098</b>	<b>419.889.726.284</b>	<b>(25.393.148.766)</b>	<b>7.862.178.713.616</b>

#### 21a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng số vốn đầu tư của các Công ty được hợp nhất	6.583.885.447.623	10.369.216.658.532
Loại trừ các khoản đầu tư lẫn nhau	2.757.687.052.471	4.533.396.303.380
Vốn đầu tư của các Cổ đông thiểu số	1.908.466.860.000	3.272.325.920.000
<b>Vốn đầu tư của Tổng công ty</b>	<b>1.917.731.535.152</b>	<b>2.563.494.435.152</b>

#### 21b. Thặng dư vốn cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng số thặng dư vốn cổ phần của các Công ty được hợp nhất	275.034.460.440	278.657.618.537
Loại trừ vào các khoản đầu tư lẫn nhau	33.962.549.986	33.962.549.986
Lợi ích Cổ đông thiểu số	119.392.693.441	119.872.919.229
<b>Thặng dư vốn cổ phần của Tổng công ty</b>	<b>121.679.217.013</b>	<b>124.822.149.322</b>

#### 21c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	1.908.466.860.000	3.272.325.920.000
Thặng dư vốn cổ phần	119.392.693.441	119.872.919.229
Vốn khác của Chủ sở hữu	20.471.614.368	18.401.041.121
Cổ phiếu quỹ	303.765	1.127.907
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		188.502.272.532
Quỹ đầu tư phát triển	581.132.572.018	555.227.391.287
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.146.881.230	3.797.338.433
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	209.595.139.759	745.258.125.821
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	6.916.486	6.916.486
Lợi ích cổ đông thiểu số tại các Công ty con	241.717.305.933	216.960.439.358
<b>Cộng</b>	<b>3.090.929.679.470</b>	<b>3.629.834.984.718</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>17.170.847.793.679</b>	<b>16.474.598.812.445</b>
Doanh thu sản xuất công nghiệp	5.677.484.258.341	8.035.022.837.024
Doanh thu cung cấp dịch vụ	582.187.495.324	668.354.833.413
Doanh thu kinh doanh bất động sản	167.443.582.260	187.721.294.333
Doanh thu hoạt động xây dựng	10.196.867.122.066	7.525.352.997.011
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	546.865.335.688	58.146.850.664
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>138.491.654.644</b>	<b>177.785.179.578</b>
Chiết khấu thương mại	35.176.296.736	59.015.897.761
Giảm giá hàng bán	96.946.191.752	116.154.685.486
Hàng bán bị trả lại	6.369.166.156	2.614.596.331
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>17.032.356.139.035</u></b>	<b><u>16.296.813.632.867</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn sản xuất công nghiệp	4.568.604.618.882	6.260.349.161.638
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	282.841.034.047	336.692.346.197
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	128.023.534.981	123.048.119.643
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	8.995.942.914.460	6.362.908.025.789
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	551.148.702.331	40.197.890.985
<b>Cộng</b>	<b><u>14.526.560.804.701</u></b>	<b><u>13.123.195.544.252</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	304.260.157.962	248.972.555.555
Cổ tức, lợi nhuận được chia	44.429.062.151	36.905.797.650
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	29.094.728.280	6.216.805.511
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.606.887.207	24.761.112.683
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		222.558.449.607
Lãi bán hàng trả chậm		638.993.687
Phân bổ lãi chênh lệch tỷ giá giai đoạn trước hoạt động		227.187.685.585
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.159.380.432	6.611.316.851
<b>Cộng</b>	<b><u>394.550.216.032</u></b>	<b><u>773.852.717.129</u></b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi tiền vay	1.256.016.409.926	1.904.319.257.158
Lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu	155.919.851.464	185.824.429.840
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	50.373.878.758	12.247.772.729
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm		170.223.085
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.176.789.877	293.508.925.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	102.279.796.138	38.019.921
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(33.151.732.869)	13.547.562.867
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(10.775.519.514)	
Chi phí tài chính khác	10.106.976.770	52.730.360.488
<b>Cộng</b>	<b><u>1.573.946.450.550</u></b>	<b><u>2.462.386.551.874</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.754.497.790	16.474.283.128
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ	2.238.240.226	7.013.556.053
Chi phí khấu hao TSCĐ	178.578.456	754.658.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.707.011.694	82.801.224.164
Chi phí bằng tiền khác	13.501.255.010	118.751.690.121
<b>Cộng</b>	<b><u>67.379.583.176</u></b>	<b><u>225.795.411.963</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	467.230.757.581	499.901.777.516
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ	42.728.138.303	58.946.838.916
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.211.431.797	34.552.446.003
Thuế, phí, lệ phí	19.721.554.177	29.667.234.215
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	73.891.832.109	81.650.710.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.166.160.204	119.358.816.015
Chi phí bằng tiền khác	155.681.045.149	155.856.159.021
<b>Cộng</b>	<b><u>910.630.919.320</u></b>	<b><u>979.933.982.340</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý TSCĐ	20.010.873.757	12.517.582.462
Thu từ thanh lý Công cụ dụng cụ	658.084.727	6.831.079.988
Thu tiền bồi thường	482.564.678	1.144.439.848
Thu tiền dịch vụ môi trường rừng các năm trước	5.089.601.960	
Công nợ không phải trả	2.636.691.844	3.234.782.083
Xử lý các khoản thuế do xác định thừa	7.559.880.854	
Hoàn nhập trích trước chi phí công trình	5.889.778.194	7.718.467.720



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Tiền hỗ trợ lãi suất	9.883.798.000	
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	84.237.189	8.033.535.376
Thu về chuyển nhượng chứng chỉ phát thải	4.152.738.288	3.916.036.845
Thu nhập ghi nhận trong giai đoạn đầu tư dự án		6.638.346.912
Phí y tế và bảo vệ công trình	3.235.104.219	5.414.164.431
Thu nhập khác	15.494.422.175	20.867.793.253
<b>Cộng</b>	<b>75.177.775.885</b>	<b>76.316.228.918</b>

#### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	322.778.560	7.499.861.954
Phạt vi phạm hợp đồng		1.860.119.396
Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính, phạt khác	21.906.490.074	17.361.273.687
Chi phí giai đoạn đầu tư quyết toán		109.580.836.815
Phí y tế và bảo vệ công trình	3.235.104.219	5.401.536.862
Chi phí khác	19.808.848.913	35.714.021.167
<b>Cộng</b>	<b>45.273.221.766</b>	<b>177.417.649.881</b>

#### 9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Tỷ lệ vốn góp %	Phần lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phát sinh trong năm của Công ty liên kết	Phần lợi nhuận hoặc lỗ của Công ty mẹ trong công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2	28,65%	25.476.806.547	(1.639.915.047)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	30,00%	1.076.638.632	1.322.991.590
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	20,60%	24.496.776.021	5.046.177.817
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	50,00%	216.800.962	108.400.724
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	37,30%	225.104.590.991	83.965.700.724
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	26,86%	91.723.641.308	15.326.667.985
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	32,13%	(112.104.992.378)	(36.022.681.665)
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	50,32%	357.106.020.433	123.414.046.630
Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết của Công ty con trong Báo cáo hợp nhất			1.318.011.196
<b>Cộng</b>		<b>613.096.282.515</b>	<b>192.839.399.954</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Số liệu so sánh

##### 1a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tổng công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

##### 1b. Các sai sót

Số liệu Báo cáo tài chính năm 2014 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán số 1 thuộc Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V thực hiện tại Tổng công ty từ ngày 02/11/2015 đến ngày 30/11/2015.

##### 1c. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh được trình bày ở Phụ lục I đính kèm.

#### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Tuấn**



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Phụ lục I: Tổng hợp ảnh hưởng của áp dụng Chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<i>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất</i>					
Các khoản tương đương tiền	112	208.089.554.797	(1.200.000.000)	206.889.554.797	(1)
Chứng khoán kinh doanh	121	337.714.497.953	(321.682.419.105)	16.032.078.848	(2)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(31.668.234.545)	24.956.667.408	(6.711.567.137)	(3)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		166.995.333.333	166.995.333.333	(2)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.280.008.402.386	(17.942.178.292)	3.262.066.224.094	(4)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		105.830.418.364	105.830.418.364	(2)
Phải thu ngắn hạn khác	136	519.686.068.510	250.398.813.325	770.084.881.835	(5)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(176.565.751.747)	(30.504.604.996)	(207.070.356.743)	(6)
Hàng tồn kho	141	5.169.115.918.884	2.603.694.791	5.171.719.613.675	(7)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	625.651.893.545	(730.777.941)	624.921.115.604	(8)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	189.467.359.361	16.671.004.505	206.138.363.866	(9)
Tài sản ngắn hạn khác	155	202.455.063.994	(202.455.063.994)		(5)
Phải thu về cho vay dài hạn	215		100.000.000	100.000.000	(3)
Phải thu dài hạn khác	216	5.249.103.808	208.669.474.100	213.918.577.908	(10)
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	32.681.876.733.195	718.715.010	32.682.595.448.205	(11)
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	223	(8.196.116.670.388)	(11.921.448.768)	(8.208.038.119.156)	(12)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.452.536.377.678	(52.150.000)	4.452.484.227.678	(8)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	1.733.573.412.199	957.413.228	1.734.530.825.427	(13)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	605.661.362.750	49.491.667.408	655.153.030.158	(2;15)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(140.313.464.060)	(25.686.288.379)	(165.999.752.439)	(14)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		365.000.000	365.000.000	(15)
Chi phí trả trước dài hạn	261	953.729.103.211	452.443.269	954.181.546.480	(16)
Tài sản dài hạn khác	268	195.308.631.250	(195.308.631.250)		(10)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.493.805.942.475	(71.717.931.185)	2.422.088.011.290	(17)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.797.966.679.202	(22.355.103.337)	1.775.611.575.865	(18)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	409.338.938.361	(760.898.878)	408.578.039.483	
Phải trả người lao động	314	403.060.447.154	(978.737.705)	402.081.709.449	
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.642.238.859.135	57.946.143.218	1.700.185.002.353	(19)
Phải trả ngắn hạn khác	319	885.529.143.788	26.045.567.786	911.574.711.574	(20)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	8.886.338.887.185	38.019.921	8.886.376.907.106	(21)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	55.481.322.433	(1.417.280.822)	54.064.041.611	
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	128.515.153.921	(1.344.955.356)	127.170.198.565	



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Phải trả dài hạn khác	337	247.052.599.531	29.869.633	247.082.469.164	(22)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.928.058.281.308	14.774.266.095	20.942.832.547.403	(22)
Thặng dư vốn cổ phần	412	124.899.149.322	(77.000.000)	124.822.149.322	(23)
Quỹ đầu tư phát triển	418	1.081.584.102.681	107.346.210.777	1.188.930.313.458	(24)
Quỹ dự phòng tài chính		110.654.168.932	(110.654.168.932)		(24)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(413.053.622.877)	28.608.584.980	(384.445.037.897)	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	3.634.590.488.897	(4.755.504.179)	3.629.834.984.718	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16.469.242.107.047	5.356.705.398	16.474.598.812.445	(25)
Giá vốn hàng bán	02	13.120.142.544.539	3.052.999.713	13.123.195.544.252	(26)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	773.836.087.226	16.629.903	773.852.717.129	(27)
Chi phí tài chính	22	2.471.694.035.984	(9.307.484.110)	2.462.386.551.874	(28)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	947.837.827.287	32.096.155.053	979.933.982.340	(29)
Thu nhập khác	31	75.165.836.248	1.150.392.670	76.316.228.918	
Chi phí khác	32	177.138.818.058	278.831.823	177.417.649.881	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	123.228.793.119	5.049.303.513	128.278.096.632	(30)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(75.096.282.545)	(4.727.907.379)	(79.824.189.924)	
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	231.576.095.470	(19.918.170.643)	211.657.924.827	
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	277.535.420.888	(19.596.774.508)	257.938.646.380	
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.485.270.098.899	11.921.448.768	1.497.191.547.667	
Các khoản dự phòng	03	55.925.184.784	38.863.749.766	94.788.934.550	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(222.205.487.358)	314.942.328	(221.890.545.030)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(467.330.840.824)	(8.218.669.030)	(475.549.509.854)	
Chi phí lãi vay	06	2.100.223.091.755	(9.833.828.497)	2.090.389.263.258	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	264.851.473.046	(45.833.733.645)	219.017.739.401	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	167.300.515.273	(2.603.694.791)	164.696.820.482	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(446.526.273.403)	35.426.939.947	(411.099.333.456)	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	348.822.816.901	278.334.672	349.101.151.573	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.922.255.334.863)	(718.715.010)	(2.922.974.049.873)	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(179.807.460.511)	(1.200.000.000)	(181.007.460.511)	



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(1)	Trình bày lại khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng sang khoản “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” ngắn hạn theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
(2)	Trình bày lại khoản đầu tư ngắn hạn khác theo quy định của Thông tư 200 và theo biên bản kiểm toán Nhà nước	
	<b>Theo thông tư 200</b>	
	Trình bày lại các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”	(166.995.333.333)
	Trình bày lại các khoản cho vay sang chỉ tiêu “Phải thu về cho vay ngắn hạn”	(105.830.418.364)
	Trình bày lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sông Đà sang chỉ tiêu “Đầu tư dài hạn khác”	(49.956.667.408)
	Trình bày lại khoản đầu tư ngắn hạn sang phải thu sang chỉ tiêu “Phải thu về cho vay dài hạn”	(100.000.000)
	<b>Theo biên bản kiểm toán Nhà nước</b>	
	Trình bày lại khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng sang khoản “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”	1.200.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>(321.682.419.105)</b>
(3)	Trình bày lại theo quy định của Thông tư 200 và theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	<b>Theo biên bản Kiểm toán Nhà nước</b>	
	Trình bày lại khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sông Đà.	24.856.667.408
	<b>Trình bày theo Thông tư 200</b>	
	Trình bày lại khoản dự phòng cho vay ngắn hạn	100.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>24.956.667.408</b>
(4)	Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	Tăng phải thu khách hàng tại Công ty Cổ phần thép Việt Ý	34.701.000
	Tăng phải thu khách hàng tại Công ty Mẹ	4.378.224.045
	Tăng phải thu khách hàng tại Công ty Cổ phần Sông Đà 5	37.577.802.719
	Bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 3 với Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5 và Ban điều hành dự án thủy điện Bản Vẽ	(59.932.906.056)
	<b>Cộng</b>	<b>(17.976.879.292)</b>
(5)	Trình bày lại theo quy định của Thông tư 200 và theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	<b>Theo Thông tư 200</b>	
	Trình bày lại các khoản tạm ứng và ký quỹ, ký cược ngắn hạn từ chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn khác”	202.455.063.994
	<b>Theo biên bản Kiểm toán Nhà nước</b>	
	Tăng phải thu ngắn hạn khác tại Công ty Cổ phần Sông Đà 3	584.306.670
	Tăng phải thu ngắn hạn khác tại Công ty Cổ phần Sông Đà 9	34.230.000
	Tăng phải thu ngắn hạn khác tại Công ty mẹ	47.325.212.661
	<b>Cộng</b>	<b>250.398.813.325</b>
(6)	Điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
	Trích bổ sung khoản dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần thủy điện Tả Trạch	(423.676.996)

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giảm số hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Công ty Cổ phần Sông Đà 9	(34.230.000)
	Trích bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Công ty Mẹ	(30.046.698.000)
	<b>Cộng</b>	<b>(30.504.604.996)</b>
(7)	Điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
	Xác định lại giá vốn các Công trình	2.764.519.962
	Điều chỉnh vật tư chưa xuất phục vụ sửa xe đã hạch toán vào chi phí	1.820.000.000
	Giảm số trích trước chi phí vật tư tro bay	(1.980.825.171)
	<b>Cộng</b>	<b>2.603.694.791</b>
(8)	Điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
	Xác định lại số phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên nhà máy thủy điện Nậm Ngần	566.525.759
	Trình bày lại chi phí sửa chữa tháp phân ly trạm oxy	52.150.000
	Phân bổ chi phí sửa chữa	(8.700.000)
	Trình bày lại chi phí thiết bị lắp đặt nhà máy thủy điện Sesan 3	(1.340.753.700)
	<b>Cộng</b>	<b>(730.777.941)</b>
(9)	Trình bày lại theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
	Xác định lại thuế GTGT không được khấu trừ	84.185.604
	Trình bày lại thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16.586.818.901
	<b>Cộng</b>	<b>16.671.004.505</b>
(10)	Tăng do trình bày lại theo biên bản Kiểm toán Nhà nước và theo thông tư 200.	
	<b>Theo Thông tư 200</b>	
	Trình bày lại khoản ký quỹ ký cược dài hạn sang chi tiêu “phải thu dài hạn khác”	195.308.631.250
	<b>Theo Biên bản kiểm toán Nhà nước</b>	
	Xác định lại tỷ giá tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty Mẹ	13.360.842.850
	<b>Cộng</b>	<b>208.669.474.100</b>
(11)	Điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
	Tăng nguyên giá TSCĐ 02 máy hàn màng chống thấm	473.138.750
	Vốn hóa chi phí lãi vay tại Công ty Cổ phần Sông Đà 5	245.576.260
	<b>Cộng</b>	<b>718.715.010</b>
(12)	Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	Xác định lại khấu hao tài sản cố định	11.921.448.768
(13)	Tăng do xác định lại tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 tại Công ty mẹ theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
(14)	Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	Trình bày lại dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Sông Đà	(24.856.667.408)
	Trích bổ sung dự phòng đầu tư vào đơn vị khác tại Công ty Cổ phần Sông Đà 5.	(829.620.971)
	<b>Cộng</b>	<b>(25.686.288.379)</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(15)	Trình bày lại khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm sang chỉ tiêu “đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” theo thông tư 200.	
(16)	Điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán Nhà Nước.	
	Giảm số phân bổ chi phí dịch vụ bảo hiểm	49.606.037
	Giảm số phân bổ chi phí cải tạo sửa chữa đường dây 35kV	43.544.010
	Xác định lại số phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	359.293.222
	<b>Cộng</b>	<b>452.443.269</b>
(17)	Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước	
	Trình bày lại cho đúng tính chất tài khoản phải trả người bán	2.399.515.599
	Bù trừ tiền cung cấp vật liệu cho nhà thầu thi công xây dựng nhà máy luyện phôi thép tại Hải Phòng	(487.498.308)
	Giảm phải trả người bán chi phí sửa chữa Văn phòng Tổng Công ty	(98.820.900)
	Giảm phải trả người bán theo biên bản đối chiếu công nợ	(359.595.556)
	Giảm chi phí sửa chữa đường hầm áp lực không đủ điều kiện ghi nhận phải trả người bán	(73.171.532.020)
	<b>Cộng</b>	<b>(71.717.931.185)</b>
(18)	Trình bày lại các khoản công nợ đang bù trừ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
(19)	Điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
	Trình bày lại chi phí sửa chữa đường hầm áp lực không đủ điều kiện hạch toán phải trả người bán	73.171.532.020
	Trích trước chi phí ăn ca	154.094.064
	Hoàn nhập phần trích vượt chi phí vận hành đường dây 110KV năm 2014	(24.997.693)
	Trình bày lại cho đúng tính chất tài khoản phải trả người bán	(2.399.515.599)
	Giảm trích trước chi phí tiền lương năm 2013 chưa chi hết	(11.284.488)
	Giảm do trích vượt chi phí lãi vay phải trả ngân hàng Vietcombank	(4.383.607.030)
	Giảm do điều chỉnh tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng doanh thu nội bộ năm 2013 từ chi phí phải trả	(1.492.451.158)
	Giảm chi phí trích trước tiền phạt chậm trả tiền vay VDB Quảng Ninh	(3.171.835.635)
	Giảm chi phí trích trước lán trại và đường nội bộ BĐH Huội Quảng	(2.521.382.215)
	Giảm chi phí phải trả chi phí lán trại Dự án xi măng Hạ Long	(1.145.317.795)
	Giảm do đơn vị trích trước vào chi phí khác khoản tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	(229.091.253)
	<b>Cộng</b>	<b>57.946.143.218</b>
(20)	Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	
	Hạch toán bổ sung lãi chậm nộp BHXH theo thông báo của cơ quan BHXH	2.641.522.720
	Xác định lại thuế TNCN theo quyết toán thuế	421.807.385
	Trình bày lại phí dịch vụ môi trường rừng	27.825.709.060
	Giảm chi phí lãi vay từ Bộ Tài chính	(1.321.796.716)
	Giảm chi phí lãi vay của khoản vay hộ Công ty TNHH Tòa nhà Điện Việt Lào	(956.589.116)
	Giảm chi phí bảo hiểm trích thừa	(584.260.376)
	Giảm chi phí trích trước tro bay	(1.980.825.171)
	<b>Cộng</b>	<b>26.045.567.786</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(21)	Tăng do xác định lại tỷ giá tại Công ty Cổ phần Sông Đà 3 theo Biên bản kiểm toán Nhà nước.	
(22)	Tăng do xác định lại tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
(23)	Giảm do kết chuyển chi phí phát hành trái phiếu theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
(24)	Trình bày lại theo thông tư 200 và biên bản Kiểm toán Nhà nước.	
	<b>Theo Thông tư 200</b>	
	Trình bày chỉ tiêu “quỹ dự phòng tài chính” sang chỉ tiêu “quỹ đầu tư phát triển”	110.654.168.932
	<b>Theo biên bản Kiểm toán Nhà nước</b>	
	Xử lý các khoản công nợ không có khả năng thu hồi	(3.307.958.155)
	<b>Cộng</b>	<b>107.346.210.777</b>
(25)	Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	Bổ sung doanh thu ghi nhận thiếu	4.011.750.042
	Kết chuyển bổ sung doanh thu chưa thực hiện	1.344.955.356
	<b>Cộng</b>	<b>5.356.705.398</b>
(26)	Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	Xác định lại giá vốn các công trình	264.650.083
	Xác định lại chi phí khấu hao	11.752.592.239
	Phân bổ chi phí sửa chữa tháp phân ly trạm oxy	8.700.000
	Trích bổ sung chi phí ăn ca	154.094.064
	Thuế GTGT không được khấu trừ	35.454.545
	Giảm chi phí mua vật tư do chưa đủ hồ sơ	(1.820.000.000)
	Giảm chi phí mua thiết bị mất trộm do chưa có hội đồng xác định nguyên nhân, trách nhiệm tại công trình Đăk Lô	(506.926.363)
	Giảm chi phí do phân loại lại sang TSCĐ	(473.138.750)
	Giảm chi phí do loại lại sang chi phí sửa chữa	(1.018.969.028)
	Giảm chi phí do trích trước quá số phải trả	(1.334.347.345)
	Giảm giá vốn công trình thủy điện	(3.910.288.832)
	Giảm chi phí hạch toán trùng	(98.820.900)
	<b>Cộng</b>	<b>3.052.999.713</b>
(27)	Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	Bổ sung lãi chênh lệch tỷ giá	352.962.249
	Giảm thu phí chuyển tiền cho các đơn vị	(336.332.346)
	<b>Cộng</b>	<b>16.629.903</b>
(28)	Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
	Bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	829.620.971
	Bổ sung lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.019.921
	Giảm chi phí lãi vay phải trả ngân hàng Vietcombank	(4.383.607.030)
	Giảm chi phí trích trước tiền phạt chậm trả tiền vay VDB Quảng Ninh	(3.171.835.635)
	Giảm chi phí chuyển tiền đang hạch toán vào chi phí tài chính	(95.720.245)
	Giảm chi phí lãi vay đầu tư	(245.576.260)
	Giảm chi phí lãi vay từ Bộ Tài chính	(1.321.796.716)
	Giảm chi phí lãi vay của khoản vay hộ Công ty TNHH Tòa nhà Điện Việt Lào	(956.589.116)
	<b>Cộng</b>	<b>(9.307.484.110)</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(29) Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
Bổ sung dự phòng phải thu khó đòi	30.470.374.996
Kết chuyển chi phí quản lý của chi nhánh vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.	845.237.433
Thuế GTGT phải nộp tương ứng với doanh thu nội bộ tại công ty mẹ phân bổ chi phí quản lý năm 2014 cho công ty con	1.493.180.397
Bổ sung chi phí khấu hao TSCĐ	168.856.529
Phân loại lại chi phí chuyển tiền do đang hạch toán vào chi phí tài chính	95.720.245
Giảm chi phí sửa chữa sân do không có hồ sơ theo quy định	(64.673.314)
Giảm tiền thuê đất và thuế sử dụng đất nông nghiệp của khu đất đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	(190.780.857)
Giảm các khoản Bảo hiểm vượt so với biên bản đối chiếu	(584.260.376)
Giảm chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	(70.000.000)
Giảm chi khen thưởng đột xuất thuộc nguồn chi quỹ khen thưởng Ban điều hành Thủy điện Lai Châu	(30.000.000)
Giảm chi phí khen thưởng	(37.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>32.096.155.053</b>
(30) Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
Lợi nhuận tăng thêm	3.270.418.021
Chi phí không hợp lý khi tính thuế	1.827.379.859
Bổ sung theo số liệu quyết toán thuế ở Sesan 3A	14.002.690
Chi phí khấu hao TSCĐ không đúng kỳ	155.449.221
Giảm lợi nhuận chịu thuế do KTNN phát hiện	(203.943.588)
<b>Cộng</b>	<b>5.049.303.513</b>

